

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1015/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 15 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/ 8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Quyết định 700/QĐ-BNN-VP ngày 01/3/2019; Quyết định số 4459/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016; Quyết định số 728/QĐ-BNN-CN ngày 14/3/2017; Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018; Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018; Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/02/2019; Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/03/2019; Quyết định số 818/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/3/2019; Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019; Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019; Quyết định số 4751/QĐ-BNNTCLN ngày 11/12/2019; Quyết định số 823/QĐ-BNN-CN ngày 26/3/2020 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 152/TTr-SNN ngày 27/5/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 104 thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

1. Quyết định số 2150/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh

về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Yên.

2. Quyết định số 2151/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Yên.

3. Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa và bãi bỏ, hủy bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Yên.

4. Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Thủy lợi, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên.

6. Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Thủy sản, Lâm nghiệp, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Thế

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN PHÚ YÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 15/6/2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT: 03 TTHC						
1	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, vườn cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	- Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thủ tục đăng ký. - Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thủ tục đăng ký	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Trồng trọt năm 2018 số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 151/QĐ-BNN ngày 09/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
2	Tiếp nhận công bố hợp quy giống cây trồng nhóm 2 (dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính	150.000 đồng/giấy đăng ký.	- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP của Chính Phủ. - Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ. Thông tư 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư	Thực hiện theo Quyết định số 4413/QĐ-BNN-TT ngày 28/10/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			công ích.		46/2015/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. -Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.	
3	Tiếp nhận công bố hợp quy giống cây trồng nhóm 2 (dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	150.000 đồng/giấy đăng ký.	- Khoản 14 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; - Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ KH&CN, Thông tư 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017; - Thông tư 46/2015/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2015 quy định về công nhận hợp quy, công bố hợp quy giống cây trồng -Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy	Theo Quyết định số Quyết định số 4413/QĐ-BNN-TT ngày 28/10/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
II. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT: 13 TTHC						
1	Cấp Giấy chứng nhận	15 ngày làm việc kể từ	- Nộp trực	700.000 đồng/cơ sở	Thông tư số 38/2018/TT-	Thực hiện theo theo

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	cơ sở sản xuất nông sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc thực vật)	ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		BNNPTNT ngày 25/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Đối với cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc thực vật)
2	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở sản xuất nông sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP đối với cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc thực vật)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Phí thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện ATTP. Mức phí: 50% phí thẩm định cấp giấy chứng nhận. - Tổ chức, cá nhân phải trả chi phí kiểm tra chất lượng sản phẩm theo quy định.	- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	Thực hiện theo theo Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Đối với cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc thực vật)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<i>vật)</i>					
3	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (<i>Đối với cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc thực vật</i>)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	30.000/lần/người	Thông tư Liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9/4/2014 của Bộ y tế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Bộ Công thương. Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	Thực hiện theo Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (<i>Đối với cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc thực vật</i>)
4	Cấp giấy đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	- 21 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - 84 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	800.000 đồng	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật 2013. - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. - Nghị định 123//2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.	Thực hiện theo Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/02/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
5	Cấp lại giấy đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo	- 21 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm	800.000 đồng	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật 2013. - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP	Thực hiện theo Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	vệ thực vật	thiện hồ sơ. - 84 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.	dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		ngày 01/7/2016 của của Chính phủ. - Nghị định 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển. - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.	ngày 28/02/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc BVTV	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	600.000 đồng/lần	- Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật 2013. - Nghị định 181/2013/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.	Thực hiện theo Quyết định số 4307/QĐ-BNN-BVTV ngày 26/10/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Cấp giấy phép vận chuyên thuốc BVTV	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính	Không	- Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013. - Nghị định 14/2015/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số	Thực hiện theo Quyết định số 4307/QĐ-BNN-BVTV ngày 26/10/2016 của Bộ Nông nghiệp và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Phát triển nông thôn
8	Tiếp nhận công bố hợp quy chất lượng phân bón của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phân bón <i>(Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy)</i>	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	150.000 đồng/giấy đăng ký.	Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ. - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.	Thực hiện theo Công văn 2592/BVTV-KH ngày 01/10/2018 của Cục BVTV
9	Tiếp nhận công bố hợp quy chất lượng phân bón của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phân bón <i>(Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự</i>	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính	150.000 đồng/giấy đăng ký.	- Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ. - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Thực hiện theo Công văn 2592/BVTV-KH ngày 01/10/2018 của Cục BVTV

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<i>đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh)</i>		công ích.		- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.	
10	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	13 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	500.000 đồng	- Luật Trồng trọt năm 2018 số 31/2018/QH14. - Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 207/2017/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Thực hiện theo Quyết định số 4756/QĐ-BNN ngày 12/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
11	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	- 13 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân) - 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	200.000 đồng	- Luật Trồng trọt năm 2018 số 31/2018/QH14. - Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 207/2017/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính.	Thực hiện theo Quyết định số 4756/QĐ-BNN ngày 12/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		nhận bị mất, hư hỏng, thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ)				
12	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	05 ngày làm việc (kể cả ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Trồng trọt năm 2018 số 31/2018/QH14. - Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 4756/QĐ-BNN ngày 12/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
13	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật.	01 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Thực hiện theo Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật 2013. - Thông tư 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.	Thực hiện theo Quyết định số 4307/QĐ-BNN-BVTV ngày 26/10/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

III. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP: 14 TTHC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Lâm nghiệp năm 2017 số 16/2017/QH14 Luật Lâm nghiệp. - Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý	50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Lâm nghiệp năm 2017 số 16/2017/QH14 Luật Lâm nghiệp. - Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ	45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp	Không	- Luật Lâm nghiệp năm 2017 số 16/2017/QH14 Luật Lâm nghiệp. - Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	đổi khu rừng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý		qua dịch vụ bưu chính công ích.			
4	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Lâm nghiệp năm 2017 số 16/2017/QH14 Luật Lâm nghiệp. - Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Thủ tục phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Lâm nghiệp năm 2017 số 16/2017/QH14 Luật Lâm nghiệp. - Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp	60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ	Không	- Luật Lâm nghiệp năm 2017 số 16/2017/QH14 Luật Lâm nghiệp.	Thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	tỉnh quyết định thành lập		vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		- Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.	10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Lâm nghiệp năm 2017 số 16/2017/QH14 Luật Lâm nghiệp. - Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	23 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
9	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	- 47 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (<i>Trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng thay thế</i>) - 67 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (<i>Trường hợp UBND cấp tỉnh không còn quỹ đất quy hoạch phát triển rừng để trồng rừng thay thế</i>).	Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thực hiện theo Quyết định số 4751/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác	35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thực hiện theo Quyết định số 4751/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Phê duyệt, điều chỉnh,	19 ngày làm việc, kể từ	- Nộp trực	Không	Thông tư số 13/2019/TT-	Thực hiện theo Quyết

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	định số 4751/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
12	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Công nhận lâm phần tuyển chọn là 600.000 đ/01 giống. - Công nhận vườn giống là 2.400.000 đ/01 vườn giống. - Công nhận nguồn gốc lô giống, lô con giống là 600.000 đ/01 lô giống.	Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính.	Thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
13	Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên.	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua	Không	Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			dịch vụ bưu chính công ích.			
14	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II, III Cites.	- 05 ngày làm việc không cần kiểm tra thực tế kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (<i>hồ sơ hợp lệ</i>). - 30 ngày làm việc cần kiểm tra thực tế kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (<i>hồ sơ không hợp lệ</i>).	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ	Thực hiện theo Quyết định số 818/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
IV. LĨNH VỰC THỦY SẢN: 22 TTHC						
1	Xóa đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Thực hiện theo Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận	- 10 ngày làm việc kể từ ngày	- Nộp trực tiếp tại	Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số	Thực hiện theo Quyết định số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (<i>trừ giống thủy sản bố mẹ</i>)	nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với cấp mới. - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với cấp lại.	Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ.	1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (<i>trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài</i>)	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với cấp mới. - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với cấp lại.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	5.700.000 đồng/lần (có hoạt động sản xuất).	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Thực hiện theo Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (<i>trong phạm vi 6 hải lý</i>)	- 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với cấp mới. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh.	Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ	Thực hiện theo Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		sơ theo quy định đối với cấp lại.	- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.			
5	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ	Thực hiện theo Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ	Thực hiện theo Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận	- Nộp trực tiếp tại	Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số	Thực hiện theo Quyết định số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	đủ hồ sơ theo quy định với xác nhận nguồn gốc. - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với xác nhận mẫu vật.	Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ	1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ	Thực hiện theo Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Công bố mở cảng cá loại 2	- Cơ quan có thẩm quyền xem xét hồ sơ, tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá, quyết định công bố mở cảng cá: 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ đủ hồ sơ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua	Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ	Thực hiện theo Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		theo quy định. - Thông báo Quyết định công bố mở cảng cá trên các phương tiện thông tin đại chúng: 02 ngày kể từ ngày được ban hành.	dịch vụ bưu chính công ích.			
10	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng <i>(thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)</i>	- Công khai phương án: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng <i>(thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)</i>	- Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: trong thời hạn 07 ngày làm việc; - Đối với	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Thủy sản năm 2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: + Công khai phương án: 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng: 60 ngày.	công ích.			
12	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thực hiện theo Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
13	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thực hiện theo Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
14	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thực hiện theo Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
15	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp	Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thực hiện theo Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			qua dịch vụ bưu chính công ích.			
16	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	06 ngày làm việc (đối với cấp mới), 03 ngày làm việc (đối với cấp lại) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Cấp mới 40.000đồng/lần - Cấp lại 20.000đồng/lần	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ	Thực hiện theo Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
17	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ	Thực hiện theo Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
18	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận ATTP đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực	Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát	Thực hiện theo Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	đổi với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản. Ghi		vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/cơ sở. - Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện ATTP: 350.000 đồng/cơ sở.	triển nông thôn	06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Đối với tàu cá)
19	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận ATTP đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/cơ sở. - Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện ATTP: 350.000 đồng/cơ sở.	Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thực hiện theo Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Đối với tàu cá)
20	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận ATTP đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/cơ sở. - Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện ATTP: 350.000 đồng/cơ sở.	Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thực hiện theo Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Đối với tàu cá)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)		công ích.			
21	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá, thuê, mua tàu cá trên biển	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy sản năm 2017 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ	Thực hiện theo Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
22	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	19 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ	Thực hiện theo Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			ích.			
V. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM VÀ THỦY SẢN: 06 TTHC						
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ khi cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B. - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ khi cơ sở chưa được thẩm định, sau thẩm định xếp loại A hoặc B	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Thẩm định cấp mới: 700.000 đồng/cơ sở; Thẩm định định kỳ: 350.000 đồng/cơ sở	- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	Thực hiện theo Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Thẩm định cấp mới: 700.000 đồng/cơ sở; Thẩm định định kỳ: 350.000 đồng/cơ sở	- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	Thực hiện theo Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
3	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch	Thẩm định cấp mới: 700.000 đồng/cơ sở; Thẩm định định kỳ: 350.000	- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát	Thực hiện theo Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)		vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	đồng/cơ sở	triển nông thôn. - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
4	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày tham gia đánh giá (ngày kiểm tra) cơ quan có thẩm quyền quy định có trách nhiệm cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	30.000 đồng/lần/người	- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Thực hiện theo Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
5	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc phiếu kiểm soát thu	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ	Lệ phí cấp Giấy Chứng nhận xuất xứ: 40.000 đồng/lần cấp	Thông tư 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 8/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	hoạch) cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vỏ		vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		triển nông thôn Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính	
6	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vỏ	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Lệ phí cấp Giấy Chứng nhận xuất xứ: 40.000 đồng/lần cấp	Thông tư 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 8/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
VI. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI: 06 TTHC						
1	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale - CFS) đối với Giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); Thức ăn chăn nuôi, chất bổ	4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công	Không	- Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư 19/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	sung vào thức ăn chăn nuôi, Môi trường pha chế, bảo quản tinh, phối động vật; Vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi		ích.			
2	Cấp lại giấy lưu hành tự do (Certificate of Free Sale – CFS) đối với Giống vật nuôi (bao gồm phối, tinh, con giống vật nuôi); thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi; môi trường pha chế, bảo quản tinh, phối động vật; Vật tư, hoá chất chuyên dùng trong chăn nuôi.	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư 19/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn	- 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch	Không	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Nghị định số	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc. - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng.	vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ.	
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ.	
5	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với trang trại quy mô	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành	Không	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	lớn		chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		của Chính phủ.	
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với trang trại quy mô lớn	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ.	
VII. LĨNH VỰC THÚ Y: 20 TTTC						
1	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với cấp mới; - 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với gia hạn	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	50.000 đồng/lần	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ. - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật, buôn bán thuốc thú y).					
2	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y).	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	50.000 đồng/lần	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ. - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính	
3	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y.	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với cấp, cấp lại do Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y hết hạn - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với Giấy chứng nhận bị mất, hỏng, thất	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	1.000.000 đồng/lần	- Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận				
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	230.000 đồng/lần	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ - Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ. - Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
6	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y.	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	900.000 đồng/lần	- Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	
7	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	300.000 đồng/lần	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ NNPTNT - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	
8	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp	300.000 đồng/lần	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ NNPTNT - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	sản giống).		qua dịch vụ bưu chính công ích.		283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	
9	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại.	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	300.000 đồng/lần	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ NNPTNT - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	
10	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.	4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	300.000 đồng/lần	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ NNPTNT - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	
11	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ	300.000 đồng/lần	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ NNPTNT	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thuỷ sản.		vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	
12	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc dưới nước).	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	300.000 đồng/lần	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ NNPTNT - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	
13	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận.	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	300.000 đồng/lần	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ NNPTNT - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
14	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận.	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	300.000 đồng/lần	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ NNPTNT - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	
15	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	300.000 đồng/lần	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ NNPTNT - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	kiện cơ sở sau khi được chứng nhận.					
16	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	<p>- 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y</p> <p>- 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ</p>	<p>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác Thú y ban hành kèm theo Thông tư số 285/2016/TT-BTC</p> <p>Điều 3 Thông tư số 44/2018/TT-BTC</p> <p>Phụ lục II Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC.</p>	<p>- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;</p> <p>- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p> <p>- Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT</p> <p>- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>sơ theo quy định đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; cơ sở chăn nuôi chưa được giám sát dịch bệnh động vật; cơ sở chưa được công nhận an toàn dịch bệnh động vật; động vật chưa được phòng bệnh theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Thú y hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin nhưng không còn miễn dịch bảo hộ; sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật chưa được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc khi có yêu cầu của chủ</p>				

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
17	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	hàng - 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh - 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Thú y	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác Thú y ban hành kèm theo Thông tư số 285/2016/TT-BTC Phụ lục II Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC.	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	
18	Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính	- Lệ phí: Không. - Phí kiểm tra lâm sàng: 100.000 đồng/lô hàng/xe ô tô.	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	lâm		công ích.		- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/ 2016 của Bộ Tài chính	
19	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.	- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định cấp lần đầu - 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với cấp lại	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận: 700.000 đồng/lần/cơ sở. - Phí thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện ATTP: 350.000 đồng/lần/cơ sở.	- Luật An toàn thực phẩm năm 2010. - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ - Thông tư liên tịch số 13/2014-TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế - Bộ Nông nghiệp và PTNT – Bộ Công thương - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	Thực hiện theo Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Đối với Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn và cơ sở giết mổ động vật tập trung)
20	Cấp giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm.	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch	30.000 đồng/lần	- Luật An toàn thực phẩm năm 2010 - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ - Thông tư liên tịch số 13/2014-TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/ 4/ 2014 của Bộ Y tế - Bộ Nông	Thực hiện theo Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Đối với cơ sở sản xuất ban đầu thực

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			vụ bưu chính công ích.		nghiệp và PTNT – Bộ Công thương - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 286/2016/TT-BTC , ngày 14/11/ 2016 của Bộ Tài chính	<i>phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn và Cơ sở giết mổ động vật tập trung)</i>
VIII. LĨNH VỰC THỦY LỢI: 16 TTCH						
1	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Thực hiện theo Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
2	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Thực hiện theo Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			vụ bưu chính công ích.			
3	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
4	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
5	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: Nuôi trồng thủy sản; Nổ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	mìn và các hoạt động gây nô khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.			nghiệp và PTNT.
6	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
7	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: Du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
8	Cấp giấy phép xả	30 ngày làm việc kể từ	- Nộp trực	Không	- Luật Thủy lợi số	Thực hiện theo Quyết

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		08/2017/QH14. - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
9	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
10	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		qua dịch vụ bưu chính công ích.			
11	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất;	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh					
12	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
13	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
14	phép của UBND tỉnh Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
15	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
16	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14. - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		tính. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.			
VII. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN: 04 TTCH						
1	Hỗ trợ dự án liên kết cấp tỉnh	- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, thời hạn giải quyết 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính Phủ	Thực hiện theo Quyết định số 700/QĐ-BNN-VP ngày 03/3/2019 và Quyết định số 4660/QĐ-BNN-KTHT ngày 26/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	Công nhận nghề truyền thống	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh.	Không	Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính Phủ	
3	Công nhận	30 ngày làm	- Nộp	Không	Nghị định số	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	làng nghề	việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	qua dịch vụ bưu chính công ích.		52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính Phủ	
4	Công nhận làng nghề truyền thống	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh.	Không	Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính Phủ	